

Số: 711 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 18 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Xây dựng khu dân cư thôn Kép 12, xã Hương Sơn,
huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 402/TTr-TNMT ngày 15/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng khu dân cư thôn Kép 12, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2)” (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Lạng Giang; UBND xã Hương Sơn; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ THÔN KÉP 12, XÃ HƯƠNG SON,
HUYỆN LẠNG GIANG (GIAI ĐOẠN 2)**

(Kèm theo Quyết định số 711 /QĐ-UBND ngày 18 /7/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Xây dựng khu dân cư thôn Kép 12, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang (giai đoạn 2).

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án thuộc địa phận thôn Kép 12 và một phần thôn Càn, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên khu đất có diện tích khoảng 8,06 ha với quy mô dân số khoảng 628 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc,...

- Hoạt động của dự án đầu tư

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

+ Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 6,3ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 80.609 m² đất, trong đó đất chuyên trồng lúa nước 63.161,5 m²; đất trồng cây hàng năm khác: 748,2 m²; đất nông nghiệp khác: 1.217,4 m²; đất mặt nước, kênh mương: 5.161,2 m²; đất nghĩa địa: 3.839,6 m²; đất giao thông: 3.216,4 m²; đất khác (đất chưa sử dụng, đất trống,...): 3.264,7 m².

- Hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất;

+ Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, phá dỡ, dịch chuyển các công trình hiện hữu,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

- ++ Từ hoạt động đào đắp, san nền;
- ++ Từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và đất đắp nền
- ++ Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường; Từ quá trình lưu trữ nguyên vật liệu;
- ++ Từ quá trình hàn;
- ++ Từ quá trình trải bê tông nhựa nóng.
- + Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền; từ quá trình phá dỡ nhà tạm; di dời mồ mả; từ hoạt động phát quang thảm thực vật và chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ dân, khu công cộng.
- + Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sống sinh hoạt hàng ngày;
- + Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án.
- + Chất thải nguy hại gồm giẻ lau dính thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, linh kiện điện tử hỏng; dầu thải,...
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:
- + Phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp,...
- + Nguy cơ chập cháy hệ thống điện; nguy cơ tai nạn giao thông,...
- Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, dầu, mỡ,... vào nguồn tiếp nhận.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:
- + Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2,2 m³/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms...
- + Nước thải thi công bao gồm từ quá trình rửa nguyên vật liệu, vệ sinh máy móc thiết bị, dưỡng hồ bê tông, nước rửa xe phát sinh khoảng 5,6 m³/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...
- + Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS...

- Bụi, khí thải

+ Bụi phát sinh từ san nền, đào đắp móng công trình; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình xúc bốc, lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng; từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công hoàn chỉnh. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; từ máy móc, thiết bị thi công xây dựng có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, bụi,...

+ Khí thải từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Bụi, khí thải từ quá trình trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là Bụi, VOCs...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực ăn uống của công nhân thi công xây dựng khoảng 11,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình phát quang thực vật; từ phá dỡ công trình hiện trạng (phá dỡ nhà tạm, tháo dỡ, dịch chuyển đường điện hiện trạng, di dời mồ mã phát sinh khoảng 300,3 tấn. Thành phần chủ yếu là cây cối, hoa màu, gạch, bê tông vỡ...

- Đất đào, bóc hữu cơ phát sinh khoảng 30.883m³ được tận dụng bổ sung cho khu vực trồng cây xanh và san nền phân lô.

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh khoảng 124,7 tấn bao gồm cát, đá, gạch, vữa thừa, đầu mẫu sắt thép, bao bì carton, nilon,...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu tổng hợp thải, que hàn thải, ... phát sinh khoảng 138,5 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án, vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế xã hội khu vực, tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động do rà phá bom mìn, di dời mồ mã; tác động đến các sống dọc tuyến đường vận chuyển và các khu dân cư hiện trạng, tổ chức xung quanh dự án; tác động làm thay đổi dòng chảy bề mặt, ngập úng ở khu vực dự án; tác động đến vùng sản xuất nông nghiệp lân cận dự án; tác động đến khu dân cư hiện trạng và các tổ chức liền kề...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ,..

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Tổng lượng nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống, từ công trình cộng đồng dịch vụ trong khu vực dự án và nước thải sinh hoạt của dự án khu dân cư thôn Kép 12 giai đoạn 1 phát sinh khoảng 144,8 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, Amoni, tổng Coliforms...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án cuốn theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực

- Bụi, khí thải:

+ Khí thải từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂...;

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO, THC...

+ Mùi hôi từ hệ thống thu gom nước thải, xử lý nước thải, khu tập kết rác thải.

+ Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt từ khu đất ở, khu công cộng, trên đường giao thông phát sinh khoảng 1.009 kg/ngày. Bùn thải từ các bể tự hoại của các công trình phát sinh khoảng 25 m³/năm. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 585 kg/tháng.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng kỹ thuật

+ Chất thải từ quá trình cắt tỉa cành cây xanh phát sinh khoảng 4 tấn/năm (sau 5 năm trồng cây mới phải cắt tỉa cành vào mùa mưa bão);

+ Bùn và rác thải phát sinh từ quá trình nạo vét hố ga, rãnh tiêu thoát nước phát sinh khoảng 09 tấn/06 tháng.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư như dầu thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin thải, máy móc,...phát sinh khoảng 2.015 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông; từ hoạt động kinh doanh của một số hộ gia đình, ...

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực; an ninh trật tự,...

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; bão lụt, ngập úng; sự cố hệ thống thu gom nước thải và hệ thống xử lý nước thải,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng 03 nhà vệ sinh di động với dung tích bồn chứa chất thải khoảng 1.200 lít/bồn đặt tại lán trại của công nhân xây dựng. Trong quá trình sử dụng, thực hiện bổ sung các chế phẩm E.M để tăng cường hiệu quả xử lý với tần suất bổ sung khoảng 03 tháng/lần với lượng bổ sung khoảng 200g/lần. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa mang đi xử lý theo quy định (tần suất 02 lần/tuần hoặc khi bể chứa đầy).

- Nước thải thi công

+ Đối với nước thải phát sinh từ khu vực rửa xe: Bố trí 01 hệ thống tách dầu 2 bậc để xử lý nước thải nhiễm dầu mỡ khu vực rửa xe, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho việc rửa xe hoặc tưới nước dập bụi. Hệ thống tách dầu mỡ tổng thể tích 06m³ gồm 02 bể phân ly mỗi bể phân ly thể tích 3m³, mỗi bể phân ly được chia tiếp thành 02 ngăn mỗi ngăn thể tích 1,5m³.

+ Đối với nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị: Bố trí từ 02 đến 03 thùng phuy chứa nước dung tích 200 lít phục vụ vệ sinh máy móc, thiết bị, sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc dập bụi, không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Nước mưa chảy tràn

+ Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

+ Bố trí rãnh đất có kích thước BxH = 500x500mm, tổng chiều dài 650 m, trên rãnh đất trung bình từ 20m đến 30 m bố trí 01 hố ga lắng cặn dung tích từ 1m³ đến 1,5m³, hướng thoát nước thiết kế theo hướng san nền từ Đông sang Tây và từ Đông Nam qua Tây Bắc, đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước bên ngoài dự án. Nguồn tiếp nhận nước mưa là tuyến mương đất phía Tây và Tây Bắc khu đất thực hiện dự án.

+ Thường xuyên kiểm tra mương thoát nước, cống thu gom, nạo vét bùn tại các hố ga với tần suất 02 lần/tuần và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường cống thoát nước, tránh nguy cơ gây úng ngập.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường.

- Các phương tiện vận tải, các máy móc, thiết bị sử dụng được kiểm tra sự phát thải khí theo quy định đối với CO, hydrocarbon và khói bụi.

- Không sử dụng các phương tiện, thiết bị (xe, máy thi công quá cũ) đã quá thời gian đăng kiểm hoặc không được đăng kiểm theo quy định.

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi với tần suất tùy thuộc vào giai đoạn thi công xây dựng như sau:

+ Từ hoạt động đào đắp, san nền: Tần suất phun nước tưới ẩm khoảng 04 lần/ngày và có thể tăng lên 05 - 06 lần/ngày vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi.

+ Từ hoạt động vận chuyển: Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất đắp và vật liệu xây dựng 04 lần/ngày, tăng tần suất lên 5 - 6 lần/ngày trong những ngày khô hanh, nắng nóng, chiều dài tuyến đường phun nước trong phạm vi 1km từ vị trí dự án.

- Dựng hàng rào bằng tôn cao từ 2m đến 3m hạn chế bụi phát tán từ quá trình san lấp, đặc biệt là khu vực phía Tây và Tây Nam khu vực dự án giáp với khu dân cư thôn Kép 12.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công tại công trường như quần áo bảo hộ, mũ bảo hộ, ủng bảo hộ,...

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn.

- Đối với bụi phát sinh từ hoạt động thổi bụi mặt đường trước khi trải nhựa: Khi thi công thổi bụi chọn thời điểm thích hợp ít người qua lại; ít ảnh hưởng đến nhà dân. Thổi bụi xuôi theo hướng gió và đúng kỹ thuật để giảm tối đa khả năng phát tán bụi ra xa; không thổi bụi về phía trường học. Dựng hàng rào chắn công trường thi công để giảm khả năng phát tán bụi.

- Đối với khí thải từ quá trình thảm bê tông nhựa nóng: Trước khi rải lớp BTN cần làm sạch, bằng phẳng và làm khô mặt lớp móng, tưới nhựa thấm bám trên lớp mặt móng trước khi tiến hành rải lớp bê tông nhựa nóng. Trang bị khẩu trang phòng độc, kính phòng hộ bảo vệ mắt, găng tay, mũ, quần áo bảo hộ cho công nhân.

- Đối với bụi từ quá trình vệ sinh công trình sau thi công: Thực hiện phun nước tưới ẩm trước khi quét dọn vào thời tiết khô hanh. Thi công đến đâu dọn sạch đến đó.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom, lưu giữ chất thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định hàng ngày.

- Chất thải rắn thi công, xây dựng:

+ Chất thải từ quá trình phát quang thực vật: Trước khi tiến hành giải phóng mặt bằng, chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho người dân thu hoạch toàn bộ nông sản. Những phần sinh khối người dân không sử dụng như gốc, rễ, thân cây,... được thu gom, sau đó thuê đơn vị có đủ chức năng đến vận chuyển đi xử lý.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ phá dỡ công trình hiện trạng (phá dỡ nhà tạm, tháo dỡ, dịch chuyển đường điện hiện trạng, di dời mộ):

++ Chất thải rắn có khả năng tái chế: Được thu gom và bán lại cho cơ sở có chức năng.

++ Các loại chất thải như bê tông, gạch vỡ từ quá trình phá dỡ nhà tạm, di dời mô mã sẽ được đơn vị thi công đập nhỏ gạch và bê tông sau đó đổ vào các lô san nền bãi đỗ xe, không đổ thải ra ngoài phạm vi dự án.

++ Cột và đường dây điện tháo dỡ, di dời sẽ được tập kết về kho điện lực của tỉnh Bắc Giang.

+ Đất đào, bóc hữu cơ bề mặt thi công đường giao thông, đất đào cấp 3 được tận dụng để san lấp mặt bằng, trồng cây xanh, không đổ thải ra ngoài phạm vi dự án.

+ Chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng được phân loại:

++ Đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton,... bán cho các đơn vị có chức năng.

++ Đối với các loại đất, đá thừa, gạch vỡ thừa,... được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong phạm vi xây dựng.

++ Đối với các chất thải không tận dụng được: Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý đúng quy định.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 03 thùng phuy chứa loại dung tích 200 lít đặt tại vị trí thuận lợi trên công trường để thu gom chất thải nguy hại. Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời (container dung tích 06 m³) để lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

- Không sử dụng máy đầm rung, lu rung gây rung động lớn, ảnh hưởng đến kết cấu công trình hiện trạng.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, bố trí lịch thi công phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn theo quy chuẩn hiện hành.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Phối hợp với chính quyền quản lý công nhân lưu trú tại địa bàn.

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn trước khi tiến hành san lấp và xây dựng.

- Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm tại hai đầu vào khu vực thi công. Bố trí người điều khiển phương tiện giao thông trong giờ cao điểm và trong giai đoạn hoạt động của các phương tiện thi công tránh xảy ra sự cố. Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.

- Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân vi phạm.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó sự cố xảy ra

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy được lựa chọn từ các công nhân tham gia thi công, lực lượng này được tổ chức học tập huấn luyện nghiệp vụ cơ bản về công tác phòng cháy chữa cháy. Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

- + Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của dự án sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại cùng với nước thải nhà bếp, giặt giũ của dự án được thu gom vào hệ thống rãnh bê tông xi măng và cống D300 sau đó thu gom vào hệ xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm.

- + Nước thải sinh hoạt từ khu dân cư thôn Kép 12 (giai đoạn 1) phía Tây Bắc dự án được thu gom đưa về hệ xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm được xây dựng tại khu vực dự án để xử lý.

Nước thải sau khi xử lý tại hệ xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày.đêm đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là mương đất tiêu thoát nước dọc tuyến đường phía Tây Bắc dự án thuộc địa phận thôn Kép 12, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Do cao độ cống trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý thấp nên dự án xây dựng 01 trạm bơm chuyển bậc công suất 20 m³/giờ trước khi đưa vào hệ thống xử lý.

Phân kỳ đầu tư hệ thống xử lý nước thải như sau:

- + Phân kỳ đầu tư đợt 1: Chủ dự án đầu tư xây dựng phần bể của hệ thống xử lý nước thải.

- + Phân kỳ đầu tư đợt 2: Khi dự án đã được lấp đầy dân cư với tỷ lệ $\geq 50\%$, chủ đầu tư tiếp tục lắp đặt thiết bị, đường ống, nuôi cấy vi sinh và vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất khoảng 150 m³/ngày.đêm đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa của khu vực dự án xây dựng là hệ thống thoát nước riêng với hệ thống thoát nước thải, hoạt động theo chế độ tự chảy. Nước mưa trong các lô đất, trên đường được thu về các hố thu bê tông cốt thép, nước mưa từ các hố thu chảy qua cống bê tông cốt thép D400 vào các hố thu nước mưa, vị trí các hố thu được bố trí dọc đường và xác định tại các vị trí tụ nước. Hệ thống hố ga thăm nước mưa và hố thu thu nước mặt đường được bố trí cách nhau từ 30m đến 50 m.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh dọc theo tuyến giao thông. Đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn khu dự án.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh mặt đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất, lá cây trên mặt đường.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Định kỳ 06 tháng/lần nạo vét hố ga tiêu thoát nước thải của dự án.

- Đối với mùi từ hệ thống xử lý nước thải:

- + Vận hành hoạt động của hệ thống xử lý để đảm bảo hệ thống được hoạt động hiệu quả.

- + Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, xử lý bằng phương pháp hấp thụ dung dịch kiềm kết hợp với hấp phụ than hoạt tính trước khi thoát ra ngoài môi trường. Định kỳ bổ sung dung dịch kiềm với tần suất khoảng 02 ngày/lần và 06 tháng/lần thay mới than hoạt tính để tăng hiệu suất khử mùi. Ngoài ra chủ dự án còn thực hiện trồng dải cây xanh cách ly rộng 10m xung quanh trạm xử lý nước thải tập trung.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- * Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Các hộ gia đình tự bố trí thùng rác ngay nơi phát sinh (*nhà ăn, nhà bếp, nhà vệ sinh*) để thu gom rác thải.

- Bố trí khoảng 50 thùng rác ven tuyến đường giao thông nội bộ, cứ khoảng 120m bố trí 01 thùng để tiện cho việc bỏ rác của người dân. Hàng ngày tổ thu gom rác của khu dân cư sẽ đi gom rác về gas rác.

- Bố trí 01 gas rác diện tích khoảng 300m² tại khu đất phía Tây Nam của dự án. Hàng ngày, rác thải được đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Đối với bùn từ bể phốt của các hộ gia đình: Các hộ gia đình tự thuê các xe chuyên dụng của đơn vị có chức năng đến hút định kỳ, tần suất khuyến khích 1 lần/năm.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Bùn thải được lưu giữ tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải có kích thước 3,0x1,78x3,25m. Định kỳ khoảng 03 tháng/lần, chủ dự án sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút đi xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn từ quá trình duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Đơn vị được bàn giao quản lý dự án hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất thực hiện như sau:

- + Đối với bùn nạo vét hố ga và hệ thống cống rãnh tiêu thoát nước của dự án: Định kỳ 06 tháng/lần;

- + Đối với cây cối: Vận chuyển khi phát sinh.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng trạm biến áp: Đơn vị được bàn giao quản lý vận hành trạm biến áp thu gom và thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý theo quy định. Lượng dầu này không lưu giữ tại dự án.

- Đối với chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình: Các hộ gia đình có trách nhiệm tự thực hiện thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Cây xanh được trồng vây quanh dự án có tác dụng hấp thu tiếng ồn, chặn sự di chuyển của chất ô nhiễm từ đường giao thông bên cạnh tới dự án, đồng thời tạo cảnh quan đẹp, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy của khu vực thực hiện dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, chung với hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy chữa cháy được tốt nhất.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

+ Thường xuyên kiểm tra đường cống thoát nước, tránh tắc, ứ đọng (kiểm tra hàng ngày và khi trời mưa).

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: các máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (chủ dự án thực hiện)

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 02 vị trí: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng; 01 vị trí tại khu vực cuối hướng gió, cách điểm thi công khoảng 20m.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

5.2. Giai đoạn vận hành (đơn vị tiếp quản vận hành dự án thực hiện)

* Nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của dự án.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

* Khí thải

- Vị trí giám sát: Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: Amoniac và các hợp chất amoni; Hydro Sunphua, H₂S; Lưu huỳnh đioxit (SO₂); Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO₂).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, nước thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 402/TTr-TNMT ngày 15/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.